

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2025/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày tháng 9 năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm học 2025-2026

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Nghị định 111/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-BVHXXH của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định một số khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên từ năm học 2025-2026.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định một số khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm học 2025-2026 theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

b) Nghị quyết này không áp dụng đối với cơ sở giáo dục công lập tự chủ về chi thường xuyên và chi đầu tư.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em học tại các trường mầm non; học sinh học tại các trường phổ thông; học sinh học chương trình giáo dục phổ thông tại các Trung tâm Giáo dục thường xuyên, các Trung tâm giáo dục thường xuyên – Giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi là cơ sở giáo dục công lập).

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập

1. Các khoản thu, mức thu cụ thể đối với một số dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục:

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu				
			Trẻ em mầm non	Học sinh tiểu học	Học sinh trung học cơ sở	Học sinh trung học phổ thông	Học sinh học chương trình giáo dục phổ thông tại TTGDTX
1	Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em ngoài giờ hành chính (cha, mẹ hoặc người đại diện của trẻ em có nhu cầu)	đồng/trẻ em/giờ	10.000	Không	Không	Không	Không
2	Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em ngày thứ Bảy, trong hè (cha, mẹ hoặc người đại diện của trẻ em có nhu cầu)	đồng/trẻ em/ngày	35.000	Không	Không	Không	Không
3	Nước uống	đồng/trẻ em, học sinh/tháng	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000
4	Coi xe (học sinh có nhu cầu và loại xe phù hợp với	đồng/học sinh/tháng	Không	(Học sinh lớp 4, lớp 5)	Xe đạp: 10.000; Xe đạp điện	Xe đạp: 10.000; Xe đạp điện, xe	Xe đạp: 10.000; Xe đạp điện, xe

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu				
			Trẻ em mầm non	Học sinh tiểu học	Học sinh trung học cơ sở	Học sinh trung học phổ thông	Học sinh học chương trình giáo dục phổ thông tại TTGDTX
	lứa tuổi theo quy định của pháp luật)			Xe đạp: 10.000	15.000	máy: 15.000	máy: 15.000

2. Các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này

a) Các cơ sở giáo dục công lập phải được thỏa thuận bằng văn bản với cha, mẹ hoặc người đại diện của trẻ em, học sinh trên tinh thần tự nguyện đối với một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, bao gồm:

Tiền điện sử dụng điều hòa;

Dịch vụ ăn uống, bán trú gồm các chi phí: Tiền ăn bán trú (bữa chính, bữa phụ); bồi dưỡng người trực tiếp chăm sóc, cán bộ quản lý, nhân viên phục vụ công tác bán trú; trang thiết bị, đồ dùng, dụng cụ phục vụ bán trú (giường, chiếu, chăn, khăn mặt, bát, đĩa, cốc, xoong, nồi, bếp và dụng cụ khác phục vụ ăn uống, bán trú); chi phí chất đốt, điện, nước sinh hoạt.

b) Mức thu đối với khoản thu tại điểm a khoản này do thủ trưởng cơ sở giáo dục công lập tính trên cơ sở dự toán chi phí hoặc chi phí thực tế phát sinh của nội dung chi đảm bảo nguyên tắc thu đủ, chi đủ, đúng mục đích, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, thu nhập trên từng địa bàn.

Điều 3. Cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập

1. Cơ chế thu

a) Thu định kỳ hàng tháng; nếu người học tự nguyện, cơ sở giáo dục công lập có thể thu một lần cho cả học kỳ hoặc theo đợt, số tháng thu tối đa theo số tháng thực hiện các dịch vụ;

b) Trường hợp xảy ra tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật, cơ sở giáo dục công lập không tiếp tục thực hiện được dịch vụ thì phải hoàn trả số tiền đã thu nhưng chưa thực hiện dịch vụ.

2. Quản lý thu, chi

a) Quản lý, sử dụng các khoản thu, chi phải đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả;

b) Tất cả các nội dung thu, chi, quản lý, sử dụng các khoản thu phải đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ, thỏa thuận, tự nguyện, phù hợp, thống nhất, thu đủ chi;

c) Cơ sở giáo dục công lập thực hiện quản lý các khoản thu, chi theo chế độ kế toán, kiểm toán theo quy định của pháp luật; thực hiện yêu cầu về thanh tra, kiểm tra của cơ quan tài chính và cơ quan quản lý giáo dục có thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu cung cấp.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày....tháng 9 năm 2025 và thay thế Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình về Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập, từ năm học 2024-2025 trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

b) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng 9 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ pháp chế);
- Bộ Tài chính (Vụ pháp chế”
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và quản lý xử lý vi phạm hành chính);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực XI;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy xã, phường;
- Thường trực Hội đồng nhân dân xã, phường;
- Ủy ban nhân dân xã, phường;
- Báo Hưng Yên, Trung tâm Thông tin – Hội nghị tỉnh; Trang thông tin điện tử Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Sở Tư pháp (Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật);
- Như Điều 4;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH

Trần Quốc Văn